

Số: 43/2020/QĐST-KDTM

Thủy Nguyên, ngày 07 tháng 9 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 28 tháng 8 năm 2020 về việc các đương sự đã thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 66/2020/TLST-KDTM ngày 10 tháng 6 năm 2020;

**XÉT THẤY:**

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó;

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:**

- *Nguyên đơn:* Ngân hàng Quốc Dân;

Trụ sở: Số 28C-28D, phố BT, phường HB, quận HK, thành phố Hà Nội

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn:*

Ông Nguyễn Tiến Dũng – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Ông Trần Hoàng Hà – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ là người đại diện theo ủy quyền (Quyết định ủy quyền số 146/2020/UQ-NCB ngày 21/4/2020).

- *Bị đơn:* Ông Trịnh Văn H và vợ bà Đào Thị H;

Địa chỉ: Xóm 5, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

**2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1. Về nghĩa vụ trả nợ:**

- Về dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 008/11.105189/HĐTD/105-51 ngày 10/3/2011: Ông Trịnh Văn H và vợ bà Đào Thị H phải trả cho Ngân hàng Quốc Dân tổng số tiền của Hợp đồng tín dụng số 008/11.105189/HĐTD/105-51 ngày 10/3/2011, tính đến ngày 28 tháng 8 năm 2020 là 1.740.472.323 (Một tỷ, bảy trăm bốn mươi triệu, bốn trăm bảy mươi hai nghìn, ba trăm hai mươi ba đồng) (trong đó tiền nợ gốc là 500.000.000 (Năm trăm triệu đồng), tiền lãi trong hạn là 4.792.740 (Bốn triệu, bảy trăm chín mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi đồng),

tiền lãi quá hạn là 1.235.679.583 (Một tỷ, hai trăm ba mươi năm triệu, sáu trăm bảy mươi chín nghìn, năm trăm tám mươi ba đồng).

- Về khoản chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp: Ông Trịnh Văn H và vợ bà Đào Thị H nhận trách nhiệm thanh toán trả cho Ngân hàng Quốc Dân toàn bộ số tiền tạm ứng chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp là: 5.000.000 (Năm triệu) đồng.

## 2.2. Về lãi suất chậm thi hành án:

- Đối với dư nợ theo Hợp đồng tín dụng số 008/11.105189/HĐTD/105-51 ngày 10/3/2011: Kể từ ngày 29 tháng 8 năm 2020 cho đến khi thi hành án xong, ông Trịnh Văn H và vợ bà Đào Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

- Đối với số tiền chi phí xem xét thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2.3. Phương án trả nợ: Bắt đầu từ tháng 9 năm 2020, ông Trịnh Văn H và vợ Đào Thị H phải trả cho Ngân hàng Quốc Dân mỗi tháng 3.000.000 (Ba triệu) đồng vào tiền nợ gốc, thời gian trả nợ vào ngày 30 hàng tháng. Chậm nhất đến ngày 30 tháng 3 năm 2021, ông Trịnh Văn H và vợ bà Đào Thị H sẽ thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

2.4. Trường hợp ông Trịnh Văn H và vợ bà Đào Thị H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mại tài sản đảm bảo theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 006/11/HĐTC-BĐS/105-51 ngày 03 tháng 3 năm 2011 và Phục lục của hợp đồng thế chấp số 006/11/HĐTC-BĐS/105-51 ngày 03 tháng 3 năm 2011 mà hai bên đã ký kết để thu hồi nợ là: Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa số 553, tờ bản đồ số 06, có diện tích đất 430m<sup>2</sup>, địa chỉ: Xóm 5, xã Hòa Bình, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T997536 do UBND huyện Thủy Nguyên cấp ngày 20/6/2003, chủ sử dụng là hộ ông Trịnh Văn Hùng, ngày 04/9/2009 đã được đính chính chủ sử dụng là ông Trịnh Văn Hùng.

Sau khi phát mại tài sản bảo đảm, nếu số tiền thu được dùng để trả nợ cho Ngân hàng Quốc Dân còn thừa thì trả lại cho người phải thi hành án; nếu còn thiếu thì người phải thi hành án phải tiếp tục có nghĩa vụ thanh toán phần còn thiếu cho Ngân hàng Quốc Dân.

**3. Về án phí:** Ông Trịnh Văn H và vợ bà Đào Thị H nhận nộp toàn bộ số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 32.107.084 (Ba mươi hai triệu một trăm linh bảy nghìn không trăm tám mươi tư đồng). Trả lại cho Ngân hàng Quốc Dân số tiền 31.300.000 (Ba mươi một triệu ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng, án phí, lệ phí Tòa án số 0000993 ngày 10 tháng 6 năm 2020 tại Chi Cục thi hành án Dân sự huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng.

**4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.**

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- Lưu: VT; Hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Nam Ninh**